

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lộc

- *Các hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Liễu Huỳnh N, sinh năm 2001. Địa chỉ: số A, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: số 12/6/7, hẻm A, đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Bùi Nguyễn T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: số F, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/11/2024, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Nguyễn Liễu Huỳnh N trình bày:

Bà N và ông Bùi Nguyễn T cưới nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/6/2020, trong thời gian sống chung có 02 người con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 08/8/2020 và Bùi Thiên Â, sinh ngày 10/4/2023 hiện nay đang sống chung với bà N. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Nguyễn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 08/8/2020 và Bùi Thiên Á, sinh ngày 10/4/2023. Bà Như K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Bùi Nguyễn T vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Liễu Huỳnh N:

Về hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông T. Bà Như K yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: giao cháu Bùi Thiên P, sinh ngày 08/8/2020 và Bùi Thiên Á, sinh ngày 10/4/2023 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Như K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Liễu Huỳnh N yêu cầu ly hôn với ông Bùi Nguyễn T, do bị đơn sinh sống tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tụng tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Liễu Huỳnh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Nguyễn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Bà Nguyễn Liễu Huỳnh N và ông Bùi Nguyễn T cưới nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2020 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc

sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Nguyễn Liễu Huỳnh N được ly hôn với ông Bùi Nguyễn T. Bà Như không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: xét thấy cháu Bùi Thiên P, sinh ngày 08/8/2020 và Bùi Thiên Á, sinh ngày 10/4/2023 hiện nay đang sống chung ổn định với bà N và ông T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi 02 con chung của bà N nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Bà Như K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Liễu Huỳnh N. Cho bà Nguyễn Liễu Huỳnh N được ly hôn với ông Bùi Nguyễn T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thiên P, sinh ngày 08/8/2020 và Bùi Thiên Á, sinh ngày 10/4/2023. Bà Như K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Bùi Nguyễn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006040 ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Như vậy án phí bà N đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc